

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
KHU VỰC 7 – THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 18/2026/DS-ST

Ngày: 15 - 5 - 2026

*V/v: Tranh chấp thực hiện  
nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng  
mua bán hàng hóa.*

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 7 - THANH HÓA**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Bùi Văn Hải

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Lê Văn Hoàn

2. Bà Nguyễn Thị Tường Vân

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Hương Trà - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa không tham gia phiên tòa.**

Ngày 15 tháng 5 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hoá, xét xử công khai sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số: 40/2025/TLST-DS ngày 20 tháng 10 năm 2025, về việc “Tranh chấp thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo hợp đồng mua bán hàng hoá”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 14/2026/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 3 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 11/2026/QĐST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2026 giữa các đương sự:

**- Nguyên đơn:** Chị **Phan Thị S** – Sinh năm 1977

Số căn cước công dân: 02417701233

Địa chỉ: **Thôn N, xã L, tỉnh Bắc Ninh.**

**- Bị đơn:** Anh **Nguyễn Văn T** – Sinh năm 1991

Số căn cước công dân: 038092003146

Địa chỉ: **Thôn C, xã V, tỉnh Thanh Hóa.**

Tại phiên tòa có mặt chị **Phan Thị S**, vắng mặt anh **Nguyễn Văn T** (Anh **T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/7/2025, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn là chị **Phan Thị S** trình bày:

Anh **T** là người môi giới mua bán mía. Tháng 3/2023, anh **T** dẫn chị **S** đi mua mía của hộ gia đình tại **thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** với giá 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng), hình thức thanh toán bằng tiền mặt. Khi mua mía còn non nên chị **S** chưa chặt ngay được. Một thời gian sau, chị **S** có liên lạc lại cho anh **T** để đến thu hoạch mía thì anh **T** xác nhận qua đoạn ghi âm là đã bán hộ vườn mía mà chị **S** đã mua cho người khác với giá 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng). Vì đang đi Hà Nội chăm con ốm nên anh **T** hẹn vài ngày sau sẽ chuyển khoản lại số tiền trên cho chị **S**. Từ đó đến nay, chị **S** đã đòi nhiều lần nhưng anh **T** không chịu trả. Nay chị **S** yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh **T** phải trả cho chị số tiền 36.000.000 đồng.

Theo bản tự khai ngày 28/11/2025, quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh **Nguyễn Văn T** trình bày:

Tháng 3/2023, anh **T** dẫn chị **Phan Thị S** đi đến vườn mía của vợ chồng anh chị **Luyên D** tại **thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** để mua mía với giá 23.000.000 đồng (Hai mươi ba triệu đồng). Chị **S** đã thanh toán đầy đủ số tiền trên cho **nhà anh chị L**, hình thức thanh toán bằng tiền mặt. Sau đó anh **T** đã bán hộ vườn mía mà chị **S** đã mua cho người khác với giá 36.000.000 đồng, nhưng anh **T** chưa trả lại số tiền trên cho chị **S**. Đến khoảng tháng 02/2024, anh **T** đã chốt công nợ với chị **S** số tiền là 78.000.000 đồng, anh **T** đã thanh toán hết nợ cho chị **S** bằng hình thức bán mía ở vườn mía khác cho chị **S**. Vì vậy, anh **T** xác định không còn nợ chị **S** số tiền trên.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và trong quá trình giải quyết vụ án Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Chị **Phan Thị S** khởi kiện yêu cầu anh **Nguyễn Văn T** phải trả lại số tiền anh **T** đã bán hộ vườn mía mà chị sen đã mua là 36.000.000 đồng. Anh **Nguyễn Văn T** có nơi đăng ký thường trú tại **Thôn C, xã V, tỉnh Thanh Hóa**. Theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng Dân sự, đây là quan hệ “Tranh chấp hợp đồng dân sự” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 7 - Thanh Hóa. Anh **T** đã nhận được quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật nhưng anh **T** vắng mặt tại phiên tòa lần thứ 2 không có lý do. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung: Chị **Phan Thị S** yêu cầu anh **Nguyễn Văn T** phải trả số tiền đã bán vườn mía mà chị **S** đã đặt mua với số tiền là 36.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và bị đơn đều có ý kiến thống nhất về nội dung

Chị **Phan Thị S** đã mua mía tại vườn mía của 1 gia đình tại **thôn N, xã T, huyện T, tỉnh Thanh Hóa** với giá 23.000.000 đồng, chị **S** đã trả tiền, tuy nhiên khi đó mía còn non nên chị **S** chưa chặt ngay được. Sau đó, anh **T** đã bán hộ vườn mía của chị **S** cho người khác với giá 36.000.000 đồng nhưng sau khi bán hộ anh **T** chưa trả tiền cho chị **S**. Do đó giao dịch về mua bán tài sản giữa chị **S** và anh **T** đã được xác lập. Anh **T** cho rằng anh đã thanh toán cho chị **S** bằng việc chốt công nợ số tiền 78.000.000 đồng ở giao dịch khác cùng với bố và vợ của anh. Tuy nhiên tại đoạn ghi âm và các giấy báo nợ giao dịch ngân hàng mà chị **S** giao nộp cho Tòa án thể hiện việc chốt công nợ số tiền 78.000.000 đồng là một giao dịch khác mà chị **S** đã chuyển tiền cho anh **T** 04 lần để nhờ thu mua mía hộ mà không liên quan đến việc anh **T** bán hộ vườn mía cho chị **S** với số tiền 36.000.000 đồng chưa trả cho chị **S**. Do đó trình bày của anh **T** là không có căn cứ để chấp nhận. Vì vậy cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thị S**, buộc anh **Nguyễn Văn T** có trách nhiệm trả cho chị **S** số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng) là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3] Về án phí: Do yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thị S** được chấp nhận toàn bộ nên anh **Nguyễn Văn T** phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ. Trả lại cho chị **Phan Thị S** số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm là phù hợp với quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điều 271, điều 273 Bộ luật tố tụng Dân sự; Điều 280, Điều 351, Điều 357, Điều 468 Bộ luật dân sự; điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị **Phan Thị S**: Buộc anh **Nguyễn Văn T** có trách nhiệm trả cho chị **Phan Thị S** số tiền 36.000.000 đồng (Ba mươi sáu triệu đồng).

Sau khi bản án có hiệu lực pháp luật, bên được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án không thi hành đầy đủ thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán với mức lãi suất theo quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí: Anh **Nguyễn Văn T** phải nộp án phí dân sự sơ thẩm số tiền 1.800.000 đồng (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

Trả lại cho chị **Phan Thị S** số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 900.000 đồng (Chín trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 0001898 ngày 20 tháng 10 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa.

3. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn chị **Phan Thị S** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn anh **Nguyễn Văn T** có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án Dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung Luật Thi hành án Dân sự năm 2014. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND khu vực 7 - Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Bùi Văn Hải**

## **HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**

HỘI THẨM NHÂN DÂN  
TÒA

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN

Trịnh Văn Dũng

Ngô Thị Tuyết

Phạm Ngọc Dung

